

Số: /KH-UBND

Thái Nguyên, ngày tháng 8 năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2035

Thực hiện Quyết định số 973/QĐ-TTg ngày 01/6/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035; Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026 của Bộ Y tế về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030; Quyết định số 1991/QĐ-BGDĐT ngày 09/7/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường giai đoạn 2026 - 2035 của ngành Giáo dục; Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển giáo dục và đào tạo tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2035 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Duy trì, đẩy mạnh hoạt động giáo dục, chăm sóc, bảo vệ và quản lý sức khỏe trẻ em mầm non, học sinh, học viên giáo dục thường xuyên, sinh viên tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh; bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

- Bảo đảm Kế hoạch được triển khai thường xuyên, liên tục, lâu dài, theo lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện thực tiễn và bảo đảm tính khả thi; đồng thời lồng ghép, phối hợp hiệu quả với các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch có liên quan, trọng tâm là Đề án số 16-ĐA/TU ngày 10/12/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Thái Nguyên về phát triển giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2030; các Chương trình, Kế hoạch của tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; các nhiệm vụ về chuyển đổi số, xây dựng trường học an toàn, nâng cao tầm vóc và thể lực học sinh trên địa bàn tỉnh.

- Huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực ngân sách nhà nước và các nguồn lực hợp pháp khác để thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm việc triển khai Chương trình thống nhất, đồng bộ từ cấp tỉnh đến cấp cơ sở, đến từng cơ sở giáo dục, trạm y tế xã, phường và các cơ sở cung cấp dịch vụ liên quan đến bữa ăn, nước uống, chăm sóc sức khỏe học đường; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện.

- Phân công trách nhiệm theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao; bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ, hiệu quả, kịp thời giữa các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội, gia đình, nhà trường và cộng đồng trong triển khai thực hiện nhiệm vụ.

- Việc triển khai phải phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương, từng cơ sở giáo dục, phù hợp mô hình chính quyền địa phương 02 cấp và yêu cầu quản lý nhà nước về giáo dục sau sắp xếp đơn vị hành chính và sắp xếp các cơ sở giáo dục; ưu tiên các cơ sở giáo dục ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, cơ sở giáo dục tổ chức bán trú, nội trú và cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học; bảo đảm cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

- Các nhiệm vụ triển khai phải xác định rõ sản phẩm đầu ra, tiến độ thực hiện, cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp và cơ chế theo dõi, giám sát, đánh giá; bảo đảm thực hiện đúng mục tiêu, chỉ tiêu theo 02 giai đoạn 2026 - 2030 và 2031 - 2035.

II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, THỜI GIAN CỦA KẾ HOẠCH

1. Đối tượng thụ hưởng: Trẻ em mầm non, học sinh, học viên giáo dục thường xuyên, sinh viên (gọi chung là người học) đang được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, đào tạo tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Đối tượng thực hiện: Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các xã, phường; cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên y tế, nhân viên phụ trách bữa ăn học đường, nhân viên, người lao động tại nhà bếp, nhà ăn, căng tin, người làm công việc khác liên quan đến sức khỏe học đường trong cơ sở giáo dục; người làm việc tại các cơ sở cung cấp suất ăn, đồ uống cho học sinh; cha mẹ hoặc người giám hộ của học sinh; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

3. Phạm vi thực hiện

- Các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

- Đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh, việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu của Chương trình được triển khai theo

chức năng, nhiệm vụ, quy định của cơ quan quản lý trực tiếp và phù hợp với điều kiện thực tế của từng cơ sở; đồng thời phối hợp với địa phương, ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế trong triển khai các nội dung của Kế hoạch.

4. Thời gian thực hiện Kế hoạch

- Giai đoạn 1: Từ năm 2026 đến hết năm 2030.
- Giai đoạn 2: Từ năm 2031 đến hết năm 2035.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác y tế trường học và các hoạt động tuyên truyền, giáo dục, bảo vệ, chăm sóc, quản lý sức khỏe trong các cơ sở giáo dục; bảo đảm điều kiện để người học phát triển toàn diện về thể chất và tinh thần. Góp phần thực hiện các mục tiêu, giải pháp về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; tạo chuyển biến thực chất trong chăm sóc sức khỏe ban đầu, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần, phòng, chống dịch bệnh, tai nạn thương tích, bạo lực học đường và quản lý sức khỏe người học trên nền tảng số; qua đó nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, xây dựng thế hệ trẻ Thái Nguyên phát triển toàn diện về thể chất, tinh thần, tầm vóc, trí tuệ và kỹ năng sống.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Các chỉ tiêu cơ bản giai đoạn 2026 - 2030 (*tại Phụ lục I kèm theo*)

- Phần đầu 60% cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định.

- 100% trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt và có đủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu; có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng; có tổ chức bữa ăn, cung cấp dịch vụ ăn, uống khác bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh theo quy định.

- 100% cơ sở giáo dục có khu vệ sinh cho người học đạt tiêu chuẩn theo quy định và đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật theo lộ trình tại Phụ lục I kèm theo.

- 100% cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần.

- Phân đầu 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học, người làm công tác tư vấn học đường và cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao.

- 100% người học được kiểm tra, khám sức khỏe hoặc khám sàng lọc bệnh tật ít nhất mỗi năm một lần và được cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- 100% học sinh từ mầm non đến hết trung học phổ thông được khám, kiểm tra sức khỏe hoặc khám sàng lọc bệnh tật: thể lực, huyết áp, nhịp tim, thị lực, thính lực; phát hiện suy dinh dưỡng, thừa cân béo phì, giảm thị lực, cong vẹo cột sống, bệnh răng miệng, rối loạn sức khỏe tâm thần và các bệnh tật khác theo từng cấp học; cập nhật thông tin vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (VNeID).

- 100% cán bộ phụ trách công tác y tế trường học cấp xã và nhân viên y tế trường học được tập huấn về phát hiện sớm bệnh, tật và dự phòng các yếu tố nguy cơ gây bệnh, tật học đường.

b) Giai đoạn 2031 - 2035

- Thúc đẩy triển khai hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe người học tại các cơ sở giáo dục; giữ vững các kết quả đạt được giai đoạn 2026 - 2030; tiếp tục nâng cao chất lượng các chỉ tiêu đã đạt, mở rộng các mô hình trường học nâng cao sức khỏe, trường học an toàn, y tế trường học thân thiện và quản lý sức khỏe người học trên môi trường số; phấn đầu đạt 100% các chỉ tiêu về nhân lực và cơ sở vật chất, đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về sức khỏe học đường

- Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương về công tác sức khỏe học đường.

- Rà soát tình hình thực hiện các quy định về y tế trường học, dinh dưỡng học đường, chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; kịp thời đề xuất, kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các nội dung còn khó khăn, vướng mắc, đặc biệt là cơ chế bố trí nhân viên y tế trường học, cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với trạm y tế xã, phường, quy định về bảo đảm an toàn thực phẩm, nước sạch, vệ sinh trường học và chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người học, nhất là đối với các cơ sở giáo dục ở địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các đơn vị tổ chức bán trú.

- Rà soát các cơ chế, chính sách của tỉnh liên quan đến y tế trường học, chăm sóc sức khỏe học sinh để kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành mới, bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành và yêu cầu thực tiễn.

- Lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe học đường vào các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, kế hoạch phát triển giáo dục và đào tạo, kế hoạch năm học, chương trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia, trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống đuối nước, phòng chống bạo lực học đường và chăm sóc sức khỏe học sinh bán trú, học sinh vùng dân tộc thiểu số, miền núi trên địa bàn tỉnh.

2. Ưu tiên bố trí nhân lực chuyên trách và đào tạo, bồi dưỡng nhân viên y tế trường học

- Ưu tiên tuyển dụng, sắp xếp, bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách, có trình độ chuyên môn y tế đạt chuẩn theo quy định cho các trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật, nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có tổ chức bữa ăn bán trú; thực hiện theo lộ trình, phù hợp vị trí việc làm, quy mô trường lớp, số lượng người học và khả năng cân đối nguồn lực; quan tâm các cơ sở giáo dục ở địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn của tỉnh.

- Khuyến khích các cơ sở giáo dục ngoài công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ y tế với cơ sở y tế theo quy định để triển khai công tác y tế trường học.

- Tăng cường tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ về y tế trường học, dinh dưỡng học đường, chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cán bộ quản lý giáo dục, nhân viên y tế trường học và các đối tượng liên quan.

- Đẩy mạnh phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế trong đào tạo, bồi dưỡng, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ và hỗ trợ hoạt động y tế trường học.

- Phối hợp tổ chức đào tạo nội dung chuyên môn, nghiệp vụ để nhân viên y tế trường học thực hiện chăm sóc sức khỏe ban đầu, khám bệnh, chữa bệnh trong phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định của Bộ Y tế; phấn đấu 100% cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học và người làm công tác tư vấn học đường được đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng theo quy định.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ chuyên môn giữa cơ sở y tế với cơ sở giáo dục; phát huy vai trò của Trạm Y tế xã, phường trong công tác chăm sóc sức khỏe học đường, phòng chống dịch bệnh, sơ cấp cứu ban đầu và quản lý sức khỏe người học.

3. Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ các hoạt động sức khỏe học đường

- Rà soát, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất trường học; bảo đảm các điều kiện về vệ sinh trường học, ánh sáng phòng học, công trình cấp nước sạch, nhà vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng của người học, lồng ghép với Đề án bảo đảm cơ sở vật chất trường học, chương trình xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia và các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh, nhất là học sinh khuyết tật,

học sinh nữ, học sinh bán trú và học sinh tại các cơ sở giáo dục ở địa bàn miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học; bố trí phòng y tế trường học, phòng tư vấn học đường theo quy định; bổ sung thuốc, vật tư và thiết bị y tế thiết yếu phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người học.

- Rà soát, bố trí, thay thế bàn, ghế học sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và phù hợp với cấp học, độ tuổi, thể trạng của người học; duy trì các điều kiện về chiếu sáng, thông gió và vệ sinh lớp học theo quy định.

- Nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất phục vụ tổ chức bữa ăn học đường, giáo dục thể chất, hoạt động thể thao trường học, sân chơi, bãi tập, tạo môi trường học tập an toàn, lành mạnh.

- Quan tâm đầu tư cải tạo hệ thống nước sạch, công trình vệ sinh, phòng y tế trường học tại các cơ sở giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa; bảo đảm điều kiện tiếp cận, sử dụng an toàn, thuận tiện đối với học sinh khuyết tật.

4. Công tác truyền thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và xây dựng, nhân rộng các mô hình

- Tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe trong trường học phù hợp các nhóm đối tượng:

- + Đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, học sinh trung học nghề: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về vệ sinh phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống bệnh, tật học đường (bệnh răng miệng, tật khúc xạ, cận thị, gù vẹo cột sống...); phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước; giáo dục dinh dưỡng học đường; sức khỏe sinh sản vị thành niên; phòng, chống tác hại của thuốc lá, thuốc lá điện tử, rượu bia và phòng ngừa bệnh không lây nhiễm; giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, sơ cấp cứu ban đầu, kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn và ứng xử văn hóa trong trường học.

- + Đối với học sinh, học viên giáo dục thường xuyên, sinh viên trung cấp, cao đẳng, đại học: Tăng cường các hoạt động truyền thông, giáo dục về sức khỏe sinh sản; phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu bia; phòng, chống thương tích, phòng, chống HIV/AIDS; kiến thức, kỹ năng bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, hoạt động vận động thể lực.

- + Tổ chức truyền thông, tư vấn, phát hiện sớm và hỗ trợ người học có nguy cơ về tâm lý, sức khỏe tâm thần; tăng cường phòng, chống hành vi tự gây hại, tự sát; thiết lập quy trình phối hợp giữa nhà trường, gia đình và cơ sở y tế để can thiệp, hỗ trợ và chuyển tuyến kịp thời khi cần thiết.

- Tăng cường giáo dục phòng, chống thuốc lá điện tử, thuốc lá nung nóng, chất gây nghiện, ma túy học đường; phòng, chống xâm hại trẻ em; giáo dục kỹ năng tự bảo vệ, kỹ năng sử dụng mạng xã hội an toàn và ứng xử văn minh trên môi trường mạng.

- Tăng cường truyền thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe tâm thần:

+ Rà soát, hoàn thiện, hệ thống hóa các hướng dẫn chuyên môn, tài liệu truyền thông và tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục, chăm sóc sức khỏe tâm thần phù hợp với từng cấp học kết hợp với tư vấn tâm lý học đường; xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường. Việc khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người học được thực hiện ít nhất mỗi năm một lần theo lộ trình, hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và khả năng cân đối nguồn lực của địa phương.

+ Tăng cường các hoạt động tư vấn tâm lý học đường, giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng ứng phó với bạo lực, bắt nạt học đường và nguy cơ mất an toàn trên môi trường mạng.

+ Tăng cường phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình, cơ sở y tế để theo dõi, đánh giá, phát hiện sớm, xử lý các yếu tố nguy cơ gây rối loạn tâm thần đối với người học và hỗ trợ chuyển tuyến điều trị khi cần thiết. Tăng cường lồng ghép các nội dung giáo dục về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng, vận động thể lực, sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, kỹ năng sơ cấp cứu ban đầu trong các hoạt động giáo dục phù hợp với chương trình giáo dục hiện hành. Xây dựng và triển khai thực hiện các mô hình trường học an toàn, trường học nâng cao sức khỏe, y tế trường học thân thiện phù hợp với các cấp học, trình độ đào tạo; ưu tiên nhân rộng tại các trường bán trú, nội trú, trường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, cơ sở giáo dục có học sinh khuyết tật.

- Nhân rộng mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý kết hợp với hoạt động vận động thể lực, trong đó xây dựng thực đơn đáp ứng đủ các nội dung theo Chương trình giáo dục mầm non và hướng dẫn của Bộ Y tế về dinh dưỡng đối với bữa ăn học đường; thực hiện hiệu quả việc đánh giá tình trạng dinh dưỡng và phối hợp với gia đình trong việc bảo đảm dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em, học sinh trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông.

- Triển khai, khai thác các phần mềm, công cụ được cơ quan có thẩm quyền ban hành để đánh giá tình trạng dinh dưỡng, xây dựng thực đơn cân bằng dinh dưỡng khi tổ chức bữa ăn học đường; áp dụng bộ chỉ số sức khỏe học đường, công cụ kiểm tra, theo dõi, thống kê, đánh giá sức khỏe người học và kết quả thực hiện Chương trình.

5. Ứng dụng công nghệ, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học

- Tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc một số bệnh, tật thường gặp cho người học theo quy định; cập nhật, quản lý thông tin sức khỏe người học trên Sổ sức khỏe điện tử và các hệ thống quản lý theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học; khai thác hiệu quả các nền tảng, phần mềm, cơ sở dữ liệu được cơ quan có thẩm quyền triển khai; từng bước đồng bộ dữ liệu sức khỏe

người học với cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

- Thực hiện cập nhật đầy đủ thông tin sức khỏe người học vào Sổ sức khỏe điện tử theo lộ trình của Chính phủ; bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư theo quy định.

- Đẩy mạnh số hóa tài liệu truyền thông, giáo dục sức khỏe; cập nhật, quản lý dữ liệu về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác y tế trường học, nước sạch, nhà vệ sinh, sân chơi, bãi tập trong các cơ sở giáo dục.

6. Tăng cường phối hợp, kiểm tra liên ngành và huy động các nguồn lực xã hội

- Tiếp tục nâng cao hiệu quả phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế trong triển khai công tác y tế trường học; duy trì cơ chế phối hợp giữa cơ sở giáo dục với Trạm Y tế xã, phường, cơ sở y tế trên địa bàn; xây dựng quy trình phối hợp trong kiểm tra sức khỏe, khám sàng lọc, phòng chống dịch bệnh, xử trí tình huống cấp cứu, tư vấn sức khỏe tâm thần và chuyển tuyến khi cần thiết; tổ chức rà soát tiền sử tiêm chủng và phối hợp thực hiện tiêm chủng theo hướng dẫn của ngành Y tế.

- Tăng cường phối hợp giữa nhà trường, gia đình và chính quyền địa phương trong theo dõi, quản lý sức khỏe học sinh, nhất là học sinh bán trú, nội trú, học sinh khuyết tật và học sinh có hoàn cảnh đặc biệt.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về y tế trường học, vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục và các đơn vị cung cấp thực phẩm, suất ăn học đường.

- Phát huy vai trò giám sát của Ban đại diện cha mẹ học sinh, các tổ chức đoàn thể trong nhà trường đối với công tác chăm sóc sức khỏe học sinh, vệ sinh an toàn thực phẩm và chất lượng bữa ăn học đường.

- Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình với các Chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án khác có liên quan đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, hiệu quả.

- Huy động sự tham gia của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ nguồn lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và các hoạt động nâng cao sức khỏe học đường theo quy định của pháp luật.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm theo phân cấp ngân sách hiện hành, do các sở, ngành, địa phương, cơ sở giáo dục lập và tổng hợp theo nhiệm vụ được giao; lồng ghép từ các chương trình, đề án, dự án có liên quan; nguồn tài trợ, viện trợ, xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật, phù hợp khả năng cân đối ngân sách và điều kiện thực tế của địa phương.

2. Việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện Kế hoạch bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Giáo dục và Đào tạo

- Là cơ quan chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trên phạm vi toàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch tại các cơ sở giáo dục; chủ trì rà soát, theo dõi tiến độ thực hiện các chỉ tiêu tại Phụ lục I và nhiệm vụ tại Phụ lục II kèm theo Kế hoạch.

- Chủ trì hướng dẫn, đôn đốc các cơ sở giáo dục triển khai các hoạt động sức khỏe học đường; phối hợp với Sở Nội vụ, Sở Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu các giải pháp bảo đảm nguồn nhân lực thực hiện công tác y tế trường học theo quy định; ưu tiên trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú, trường có học sinh khuyết tật, cơ sở giáo dục tổ chức bữa ăn bán trú và các cơ sở giáo dục vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi.

- Hằng năm, chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai, văn bản hướng dẫn và biểu mẫu báo cáo; tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện; tham mưu sơ kết Chương trình vào năm 2030 và tổng kết vào năm 2035.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thực hiện các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng học đường, chăm sóc sức khỏe tâm thần; quản lý, phối hợp quản lý bảo đảm an toàn thực phẩm trong nuôi dưỡng, tổ chức bán trú và các vấn đề sức khỏe khác.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục rà soát các điều kiện bảo đảm sức khỏe học đường như: cơ sở vật chất, trang thiết bị, y tế trường học, bữa ăn học đường, nhà vệ sinh, nước sạch, sân chơi, bãi tập và các điều kiện khác; tham mưu cấp có thẩm quyền đầu tư, bổ sung kịp thời để triển khai thực hiện.

- Phối hợp với Sở Y tế và các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học và các đối tượng liên quan.

- Chủ trì xây dựng, nhân rộng các mô hình trường học bảo đảm các điều kiện về sức khỏe học đường; triển khai tăng cường các giải pháp chuyển đổi số, số hóa dữ liệu phục vụ công tác quản lý sức khỏe người học.

- Chủ trì tổng hợp kết quả thực hiện Kế hoạch; định kỳ hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định; đồng thời đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, điều chỉnh chỉ tiêu, nhiệm vụ phù hợp với thực tiễn khi cần thiết.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu tổ chức sơ kết giai đoạn 2026 - 2030 và tổng kết Chương trình giai đoạn 2026 - 2035.

2. Sở Y tế

- Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác y tế trường học; chỉ đạo cơ sở y tế phối hợp với cơ sở giáo dục trong chăm sóc, quản lý sức khỏe người học, phòng, chống dịch bệnh và sơ cấp cứu ban đầu.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức chuyên môn cho nhân viên y tế trường học; hỗ trợ chuyên môn trong công tác khám sức khỏe, quản lý sức khỏe, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe tâm thần học đường.

- Chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn về kiểm tra sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc bệnh tật học đường theo quy định và hướng dẫn cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư (VNeID).

- Hướng dẫn chuyên môn về kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc bệnh tật học đường; chỉ đạo các cơ sở y tế phối hợp cập nhật thông tin sức khỏe người học vào Sổ sức khỏe điện tử theo quy định.

- Chủ trì xây dựng kế hoạch, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo triển khai kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc một số bệnh, tật thường gặp cho người học theo quy định; hướng dẫn cập nhật dữ liệu sức khỏe người học vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

- Phối hợp xây dựng cơ chế phối hợp giữa ngành Y tế và ngành Giáo dục và Đào tạo trong công tác y tế trường học; tham gia kiểm tra liên ngành về công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục.

- Phối hợp triển khai các nội dung ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học.

3. Sở Tài chính

- Trên cơ sở đề nghị của các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương và khả năng cân đối ngân sách, chủ trì tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương lồng ghép các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch; hướng dẫn việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đúng mục tiêu, đúng chế độ, tiết kiệm, hiệu quả theo quy định của pháp luật.

4. Sở Nội vụ

Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc bố trí, sử dụng, tuyển dụng đội ngũ nhân viên y tế trường học theo quy định hiện hành; hướng dẫn rà soát vị trí việc làm, cơ cấu viên chức, người làm việc trong cơ sở giáo dục để thực hiện lộ trình bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách theo Chương trình.

5. Công an tỉnh

Phối hợp, hướng dẫn việc khai thác, kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư phục vụ quản lý sức khỏe người học theo quy định của pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, an toàn, an ninh thông tin; phối hợp phòng, chống ma túy, thuốc lá điện tử, bạo lực học đường, xâm hại trẻ em, bắt nạt trên môi trường mạng và bảo đảm an ninh, an toàn trường học.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn, hỗ trợ triển khai các giải pháp chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý sức khỏe học đường; phối hợp thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu với Kho dữ liệu dùng chung của tỉnh và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có liên quan theo quy định.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh

- Phối hợp với các sở, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên, các tầng lớp Nhân dân, cha mẹ học sinh tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe học đường.

- Phối hợp tuyên truyền, phổ biến kiến thức về dinh dưỡng học đường, vệ sinh phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe tâm thần, xây dựng môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh cho trẻ em, học sinh.

- Tham gia giám sát việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình Sức khỏe học đường theo chức năng, nhiệm vụ được giao; phản ánh, kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

8. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế tổ chức thực hiện các nội dung của Kế hoạch; lồng ghép các nhiệm vụ phù hợp vào chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, đơn vị; trong đó, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp triển khai hoạt động thể dục, thể thao trường học, truyền thông xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh; Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp hướng dẫn bảo đảm nước sạch, vệ sinh môi trường trường học; Sở Xây dựng phối hợp trong thẩm định, quản lý chất lượng công trình trường học; Sở Dân tộc và Tôn giáo phối hợp lồng ghép nguồn lực hỗ trợ học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Bảo hiểm xã hội tỉnh phối hợp triển khai bảo hiểm y tế học sinh, học viên giáo dục thường xuyên, sinh viên, phấn đấu duy trì tỷ lệ tham gia bảo hiểm y tế đạt 100%.

9. Ủy ban nhân dân các xã, phường

- Căn cứ Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh và điều kiện thực tế của địa phương, xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ của Chương trình Sức khỏe học đường trên địa bàn.

- Chỉ đạo cơ sở giáo dục, cơ sở y tế địa phương và các cơ quan, đơn vị liên quan phối hợp triển khai hoạt động chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe người học; chỉ đạo Trạm Y tế xã, phường phối hợp với cơ sở giáo dục thực hiện công tác y tế trường học.

- Chỉ đạo Trạm Y tế xã, phường phối hợp với các cơ sở giáo dục tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học, khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc bệnh tật, phòng chống dịch bệnh và cập nhật dữ liệu sức khỏe người học theo quy định.

- Bố trí kinh phí, huy động nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về vệ sinh, an toàn thực phẩm tại cơ sở giáo dục trên địa bàn theo chức năng, thẩm quyền; định kỳ báo cáo việc thực hiện Kế hoạch tại địa phương.

10. Đề nghị Đại học Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Chủ động xây dựng kế hoạch triển khai công tác sức khỏe học đường phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quy định của cơ quan quản lý trực tiếp và điều kiện thực tế của đơn vị; bố trí nhân viên y tế trường học chuyên trách hoặc ký hợp đồng cung ứng dịch vụ y tế theo quy định; tổ chức khám sức khỏe, khám sàng lọc bệnh tật, truyền thông giáo dục sức khỏe, chăm sóc sức khỏe tâm thần, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm, nước sạch, vệ sinh môi trường và cập nhật, quản lý dữ liệu sức khỏe người học theo lộ trình chung của tỉnh.

- Phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Y tế, Ủy ban nhân dân các xã, phường trong triển khai các nhiệm vụ, chỉ tiêu của Chương trình; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Chương trình Sức khỏe học đường tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2026 - 2035, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, Đại học Thái Nguyên, Trường Cao đẳng Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện; hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Giáo dục và Đào tạo **trước ngày 15 tháng 11** để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Đại học Thái Nguyên;
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX. Thắngpv.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Dương Văn Lượng

Phụ lục I**CÁC CHỈ TIÊU CƠ BẢN CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2035***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh)*

STT	Chỉ tiêu	Số liệu của tỉnh Thái Nguyên tính đến ngày 30/6/2026	Giai đoạn 2026 - 2030				
			2026	2027	2028	2029	2030
1	Tỷ lệ các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định	50,7%	50,7%	52%	55%	58%	60%
2	Tỷ lệ trường phổ thông nội trú, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường dành cho người khuyết tật có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định	100%	100%	100%	100%	100%	100%
3	Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp có nhân viên y tế trường học chuyên trách, bảo đảm trình độ chuyên môn y tế theo quy định	75%	75%	85%	90%	95%	100%
4	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có phòng y tế riêng biệt và có đủ thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo quy định	80%	80%	85%	90%	95%	100%
5	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định	80%	80%	85%	90%	95%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp có đủ nước uống và nước sinh hoạt bảo đảm chất lượng theo quy định	85%	85%	90%	95%	98%	100%
6	Tỷ lệ cơ sở giáo dục có tổ chức bữa ăn hoặc cung cấp dịch vụ ăn, uống khác bảo đảm các điều kiện về vệ sinh, an toàn thực phẩm theo quy định	93,1%	93,1%	95%	96%	98%	100%

7	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục mầm non tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em theo quy định	98,3%	98,3%	100%	100%	100%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục phổ thông tổ chức theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của học sinh theo quy định	80%	80%	85%	90%	95%	100%
8	a) Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh cho người học đạt tiêu chuẩn theo quy định	80%	80%	85%	90%	95%	100%
	b) Tỷ lệ cơ sở giáo dục có khu vệ sinh đáp ứng nhu cầu của người khuyết tật	18%	18%	50%	70%	90%	100%
9	Tỷ lệ cơ sở giáo dục tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục về bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, dinh dưỡng học đường, giáo dục sức khỏe tâm thần	59,5%	59,5%	70%	80%	90%	100%
10	a) Tỷ lệ người học trong các cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông được kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sàng lọc bệnh tật và được cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	85%	90%	95%	97%	100%	100%
	b) Tỷ lệ người học trong các cơ sở giáo dục đại học, cao đẳng và giáo dục nghề nghiệp được khám sức khỏe hoặc khám sàng lọc bệnh tật ít nhất mỗi năm một lần và được cập nhật, quản lý thông tin về sức khỏe vào Sổ sức khỏe điện tử kết nối liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư	48,3%	48,3%	60%	70%	90%	100%

Phụ lục II**CÁC NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI CHƯƠNG TRÌNH SỨC KHỎE HỌC ĐƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 - 2035***(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của UBND tỉnh)*

	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
I	Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về sức khỏe học đường				
1	Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách về sức khỏe học đường theo quy định của Trung ương	Sở GDĐT	Sở Y tế, các sở, ngành liên quan, UBND xã, phường	Kế hoạch, văn bản triển khai, báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
II	Ưu tiên bố trí nhân lực chuyên trách và đào tạo, bồi dưỡng nhân viên y tế trường học				
1	Rà soát, tham mưu bố trí nhân viên y tế trường học tại các cơ sở giáo dục theo lộ trình của Chương trình, phù hợp quy định về vị trí việc làm và điều kiện thực tế của địa phương	Sở Nội vụ	Sở GDĐT, Sở Y tế, UBND xã, phường	Kế hoạch hoặc văn bản chỉ đạo; báo cáo kết quả thực hiện	Hàng năm
2	Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về y tế trường học, dinh dưỡng học đường, sức khỏe tâm thần cho cán bộ quản lý, nhân viên y tế trường học, nhân viên phụ trách bữa ăn học đường, tư vấn học đường	Sở Y tế	Sở GDĐT, Sở Nội vụ, UBND xã, phường và các cơ sở giáo dục	Các lớp tập huấn, báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
III	Bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ các hoạt động sức khỏe học đường				
1	Rà soát, đầu tư, nâng cấp phòng y tế trường học; bổ sung thuốc, thiết bị y tế thiết yếu theo danh mục, tiêu chuẩn theo quy định	UBND xã, phường	Sở GDĐT, Sở Y tế, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Cải tạo, nâng cấp công trình nước sạch, nhà vệ sinh trường học; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường trường học	UBND xã, phường	Sở GDĐT, Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên

	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
IV	Công tác truyền thông, giáo dục và chăm sóc sức khỏe học đường				
1	Tổ chức các hoạt động truyền thông, giáo dục sức khỏe, dinh dưỡng học đường, phòng, chống dịch bệnh, phòng, chống tai nạn thương tích, đuối nước trong trường học	Sở GDĐT	Sở Y tế, các cơ quan liên quan	Kế hoạch, báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
2	Tăng cường các hoạt động tư vấn tâm lý học đường, chăm sóc sức khỏe tâm thần; phòng, chống bạo lực học đường và bắt nạt trên môi trường mạng	Sở GDĐT	Công an tỉnh, Sở Y tế, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, UBND xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
3	Theo dõi, đánh giá tình trạng dinh dưỡng của trẻ em, học sinh; triển khai mô hình bữa ăn học đường bảo đảm dinh dưỡng hợp lý, phù hợp với điều kiện của từng cơ sở giáo dục	Sở GDĐT	Sở Y tế, UBND xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên
V	Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý sức khỏe người học				
1	Tổ chức kiểm tra sức khỏe đầu năm học hoặc khám sàng lọc bệnh tật cho người học; cập nhật, quản lý dữ liệu vào Sổ sức khỏe điện tử theo quy định	Sở Y tế	Sở GDĐT, UBND xã, phường	Kết quả kiểm tra, khám sàng lọc; dữ liệu sức khỏe người học được cập nhật theo quy định	Hàng năm
2	Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử; quản lý, theo dõi, thống kê, đánh giá sức khỏe người học trên nền tảng số, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định	Sở GDĐT	Sở Y tế, các đơn vị liên quan	Báo cáo kết quả thực hiện	Giai đoạn 2026 - 2030 và duy trì giai đoạn 2031 - 2035
VI	Tăng cường phối hợp liên ngành, kiểm tra, giám sát và huy động nguồn lực				
1	Xây dựng, ký kết và duy trì cơ chế phối hợp giữa ngành Giáo dục và Đào tạo và ngành Y tế trong công tác chăm sóc sức khỏe học đường	Sở GDĐT	Sở Y tế, UBND xã, phường	Quy chế hoặc chương trình phối hợp; báo cáo kết quả thực hiện	Năm 2027 và duy trì hàng năm

	Nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian hoàn thành
2	Tổ chức kiểm tra liên ngành về công tác y tế trường học, an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường, nước sạch, nhà vệ sinh trường học trong các cơ sở giáo dục	Sở Y tế	Sở GDĐT, UBND xã, phường	Báo cáo kết quả kiểm tra	Thường xuyên
3	Huy động các nguồn lực hợp pháp, nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ triển khai các hoạt động của Chương trình	Sở GDĐT	Sở Y tế, Sở Tài chính, Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh, UBND xã, phường	Báo cáo kết quả thực hiện	Thường xuyên